

Số: 03 /CTr-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023

của Chính phủ; Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Tỉnh ủy

về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách

nhà nước năm 2023 của tỉnh Đồng Nai

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 545

Ngày 21 tháng 03 năm 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội; Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình thế giới, trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Xung đột quân sự tại Ukraine còn có thể kéo dài. Hậu quả đại dịch Covid-19 trên toàn cầu còn phải khắc phục nhiều năm. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế. Trong nước sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam trong đó có Đồng Nai bị thu hẹp; lao động ngừng việc gia tăng; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tiếp tục diễn biến bất thường...

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ đặt ra trong năm 2023 là rất lớn, để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ; Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng Chương trình hành động triển khai Nghị quyết Chính phủ và Tỉnh ủy năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện trong toàn tỉnh Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ; Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 đến các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Cụ thể hóa những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về chỉ đạo, điều hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Chính phủ và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thành các giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023.

2. Yêu cầu

- Tập trung mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả các lợi thế, thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu hoàn thành vượt và đạt mục tiêu theo Nghị quyết Chính phủ, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra trong năm 2023.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian hoàn thành từng nội dung cụ thể. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả triển khai thực hiện, báo cáo kết quả theo định kỳ và theo yêu cầu của UBND tỉnh.

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chương trình theo chức năng nhiệm vụ được giao. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung cập nhật những chủ trương, chỉ đạo mới đáp ứng yêu cầu và tình hình thực tiễn.

3. Nhiệm vụ trọng tâm, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh

- Công tác lập quy hoạch, gồm (*Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng*);

- Các nhiệm vụ liên quan đến các dự án trọng điểm quốc gia (Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Cao Tốc Biên Hoà - Vũng tàu, Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, Dầu Giây - Tân Phú, Vành Đai 3, Vành Đai 4) và chỉ đạo triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Các nhiệm vụ đột phá của tỉnh đã được đề ra tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 10/12/2020.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023

a) Các chỉ tiêu kinh tế (5 chỉ tiêu)

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng 7,5-8,5% so với năm 2022.
- GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 145-150 triệu đồng/người.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng 8,0-8,5% so với năm 2022.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 116 ngàn tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách đạt dự toán được giao.

b) Các chỉ tiêu về môi trường (3 chỉ tiêu).

- Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, 100% chất thải nguy hại, 100% chất thải công nghiệp không nguy hại, 100% chất thải rắn sinh hoạt.

- 100% các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường.

- Duy trì tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 52%; tỷ lệ che phủ của rừng đạt 28,3%.

c) Các chỉ tiêu về an sinh - xã hội (14 chỉ tiêu).

- Phần đầu trong năm 2023, toàn tỉnh có thêm ít nhất 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 01 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao.

- Giảm 30% hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A.

- Giữ tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 2%.

- Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 88%; Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm còn 7,7%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm còn 21%.

- Số bác sĩ/1 vạn dân là 9,4 bác sĩ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 30 giường.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 54%.

- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 49,5%.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng 472 căn nhà ở xã hội.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn: dân số đô thị đạt 88%; dân số nông thôn đạt 83,5%.

- Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt 86%.

- Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung đạt 7,5%; tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đạt 11%; tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đạt 6,5%.

d) Các chỉ tiêu về văn hóa, giáo dục và đào tạo (2 chỉ tiêu).

- Tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa đạt trên 90%; tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt trên 90%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa trên 98%; tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên 75%; 100% thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã, 90% nhà văn hóa ấp (khu phố) hoạt động hiệu quả.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 67,5%; Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm đạt 26,5%.

đ) Các chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và cấp độ an toàn thông tin cơ quan nhà nước (7 chỉ tiêu).

- Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Thủ tướng Chính phủ giao.

- Hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch.

- Phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc

gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2023.

- 100% tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, xử lý; tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%.

- Tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt trên 75%, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90% tổng số án khởi tố.

- Phần đấu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự được Tổng Cục Thi hành án dân sự giao trong năm 2023.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan Nhà nước được phê duyệt theo cấp độ an toàn đạt 100%.

(Đính kèm Phụ lục 1 - Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 theo Nghị quyết Tỉnh ủy).

2. Nhiệm vụ và giải pháp năm 2023

2.1. Thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế

a. Khẩn trương tập trung đẩy nhanh thực hiện các Chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ đột phá

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, gồm: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ tập trung thực hiện có hiệu quả các Chương trình, kế hoạch chuyên đề thực hiện các nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025 trong năm 2023, cụ thể:

- Sở Công thương chủ trì, theo dõi, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại dịch vụ tổng hợp hiện đại trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, theo dõi, phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, theo dõi, phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI về phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, theo dõi, phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 28/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, theo dõi, phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch huy động các nguồn lực tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là giao thông đô thị, nông thôn và giao thông kết nối vùng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, theo dõi, phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các Chương trình, kế hoạch và đổi mới sáng tạo,

b. Về công tác thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chủ động điều hành đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách bền vững, trong đó chú trọng đẩy mạnh khai thác các nguồn thu nội địa, các nguồn thu từ đất; triệt để tiết kiệm chi, đặc biệt là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, hạn chế sử dụng ngân sách cho việc mua sắm mới phương tiện, tài sản công theo quy định.

c. Về phát triển thương mại dịch vụ

Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố:

- Triển khai các giải pháp nhằm phát triển mạnh thị trường trong nước gắn với cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, phát triển thị trường tiêu dùng trực tuyến để tìm kiếm các thị trường mới thay cho các thị trường truyền thống.

- Tiếp tục chú trọng công tác giám sát thực hiện các biện pháp kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá xăng dầu, hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác. Tăng cường phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Từng bước thực hiện triển khai có hiệu quả chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá của Tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, cơ cấu cân đối hài hoà, phát huy được lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh và phát triển được thương hiệu hàng hoá của tỉnh đối với các thị trường trong và ngoài nước.

d. Về huy động nguồn lực, quản lý quy hoạch, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan:

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030, trong đó tiếp tục quán triệt chủ trương thu hút các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đổi mới và nâng cao cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tháo gỡ khó khăn phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, chủ động xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài, như: tích cực thực hiện các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ cắt giảm chi phí, cơ cấu thời hạn trả nợ cho doanh nghiệp; hỗ trợ lãi suất với các khoản vay thương mại; hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế- xã hội. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập, chấn chỉnh khâu chuẩn bị đầu tư, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm quốc gia đi qua địa bàn tỉnh và các dự án trọng điểm của tỉnh ngay từ đầu năm 2023, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm các mục tiêu đề ra.

- Khẩn trương thực hiện dự án lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo tiến độ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 760/TTg-CN ngày 31/8/2022 về kế hoạch và tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030. Đồng thời, tích cực phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh để chủ động cập nhật thông tin của Quy hoạch Vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch tỉnh bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

2.2. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 với những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

a. Về đầu tư công

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố: Nâng cao chất lượng quản lý đầu tư công; cải thiện việc phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công theo hướng hiệu quả nhất trong việc hấp thụ vốn của nền kinh tế. Ưu tiên bố trí nguồn vốn cho các công trình giao thông nội vùng, giao thông nông thôn, đô thị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng vùng động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành, hạ tầng kinh tế số, giáo dục, y tế, văn hóa, vùng khó khăn,... Tăng cường chấp hành pháp luật, cơ chế chính sách, nâng cao trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát trong đầu tư công.

b. Về công tác cổ phần hoá doanh nghiệp, tổ chức tín dụng

- Sở Tài chính chủ trì, theo dõi việc triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022.

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, nhất là các ngân hàng thương mại yếu kém. Tăng cường năng lực tài chính, quản trị và chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và phát triển bền vững. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng, nhằm sớm phát hiện các dấu hiệu sai phạm để kịp thời có biện pháp cảnh báo, xử lý, đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng và quyền lợi của khách hàng.

c. Về cơ cấu ngành, lĩnh vực

Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Giao thông Vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nội ngành và giữa các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ; cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, thực hiện tốt và kịp thời các chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các dự án sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chế biến sản phẩm nông nghiệp và xuất khẩu chính ngạch.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai theo các Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và về huyện nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển các loại hình dịch vụ, đặc biệt là các loại dịch vụ ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ về tài chính, ngân hàng, giáo dục đào tạo, y tế, công nghệ thông tin, logistics...; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành du lịch, khai thác tiềm năng du lịch hiệu quả, phát triển đa dạng sản phẩm du lịch; tập trung giải quyết các điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng du lịch nhằm sớm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng.

2.3. Chú trọng phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội.

a. Về phát triển văn hoá

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố: Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy giá trị văn hóa và con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo hệ thống thiết chế văn hóa. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đời sống văn hoá cơ sở, văn hoá công vụ, đặc biệt là đạo đức công vụ. Quan tâm phát triển thể dục, thể thao; chuẩn bị tốt để tham dự các sự kiện thể thao khu vực, quốc tế.

b. Về khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo và chuyển đổi số

Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Ban Dân tộc tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Chú trọng phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, nhất là kỹ năng nghề.

- Quan tâm hơn nữa đến công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội năm 2023. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội; công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng chống tệ nạn xã hội. Triển khai hiệu quả chính sách về lao động, tiền lương; đẩy mạnh phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.4. Tập trung thực hiện tốt công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh; tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện:

a. Về công phòng chống dịch

- Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch covid-19; chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao ý thức, nhận thức của người dân trong phòng, chống dịch, đặc biệt tiếp tục đẩy mạnh thông tin về tác dụng, hiệu quả của vaccine trong ngăn ngừa bệnh nặng, tử vong.

- Chủ động theo dõi và có biện pháp phòng ngừa đối với các dịch bệnh theo mùa và các dịch bệnh mới phát sinh.

b. Về phát triển hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Nâng cao và củng cố và phát triển hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng trên địa bàn tỉnh để tăng cường chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân và cộng đồng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, tăng cường kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Từng bước triển khai có hiệu quả chuyển đổi số công tác quản lý sức khoẻ người dân, triển khai hồ sơ sức khoẻ điện tử và lập dữ liệu về sức khoẻ người dân.

2.5. Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai; bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

a. Về công tác quản lý đất đai

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, theo dõi, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan:

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai: Tổ chức công khai, minh bạch các thông tin về quy hoạch sử dụng đất, các dự án đấu giá quyền sử dụng đất, và công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất...

- Chủ động rà soát các nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng trên địa bàn, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và tiến độ thời gian (nhất là những địa bàn có các dự án trọng điểm quốc gia đi qua như Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, dự án Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu...).

- Theo dõi và quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh bất động sản.

b. Về bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, theo dõi, phối hợp với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan:

+ Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên, các ngành, doanh nghiệp dựa nhiều vào tài nguyên, các nguồn phát thải nhà kính.

+ Tiếp tục theo dõi, giám sát và đôn đốc các khu công nghiệp đẩy nhanh tiến độ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện và thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh.

2.6. Về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai thi hành pháp luật; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường kỷ luật kỷ cương nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

a. Về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai thi hành pháp luật

- Sở Tư pháp, Cục thi hành án Dân sự tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự.

b. Về cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan, theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì tham mưu UBND tỉnh các chương trình, kế hoạch triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cải cách hành chính của tỉnh trong năm 2023 theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, trong đó:

- Tập trung xử lý kịp thời những vướng mắc, bất cập, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch và thông thoáng.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hoá, phương thức chỉ đạo điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp, trong đó: Tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ về đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025; Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính giai đoạn 2021-2025 và Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06)...

- Tiếp tục thực hiện xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch.

c. Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong và ngoài khu vực nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

2.7. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng

a. Về Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện:

- Đồng bộ các nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc; kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp tội phạm. Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin truyền thông, nhất là phản bác lại những thông tin xấu độc, chống phá của các thế lực thù địch.

b. Về hội nhập quốc tế

Sở Ngoại vụ chủ trì, theo dõi phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế; làm tốt công tác ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại, bảo hộ công dân.

III. PHÂN CÔNG THEO DỐI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT, CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Ngoài triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo Chương trình Công tác năm 2023 của UBND tỉnh (*Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 10/02/2023*), các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực và nhiệm vụ được phân công theo các Phụ lục 1, 2 và Phụ 3 (*đính kèm*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ; Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội; Quyết định giao chỉ tiêu, Quyết định điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Chương trình công tác năm 2023, Chương trình phục hồi phát triển kinh tế của UBND tỉnh và Chương trình hành động này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt linh hoạt hiệu quả các giải pháp trong Chương trình hành động đề ra, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân

tính về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện chương trình đã đề ra. Tăng cường công tác phối hợp giữa các Sở, Ban ngành, địa phương và với các Bộ, ngành Trung ương để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

- Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội; nhiệm vụ theo Chương trình công tác năm và các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này; những khó khăn vướng mắc, đề xuất kiến nghị gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư (kèm theo biểu mẫu tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao).


2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố định kỳ, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh dự thảo Báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và dự thảo báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước theo Nghị quyết Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh tại các buổi họp giao ban kinh tế - xã hội định kỳ.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các Báo, Đài tổ chức quán triệt, phổ biến rộng rãi Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động này trong các ngành, các cấp; tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động để cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân hiểu, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính Phủ (A+B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Liên đoàn Công nghiệp Thương mại VN (VCCI);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Đài PTTH Đồng Nai; Báo ĐN
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, THNC (các phòng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

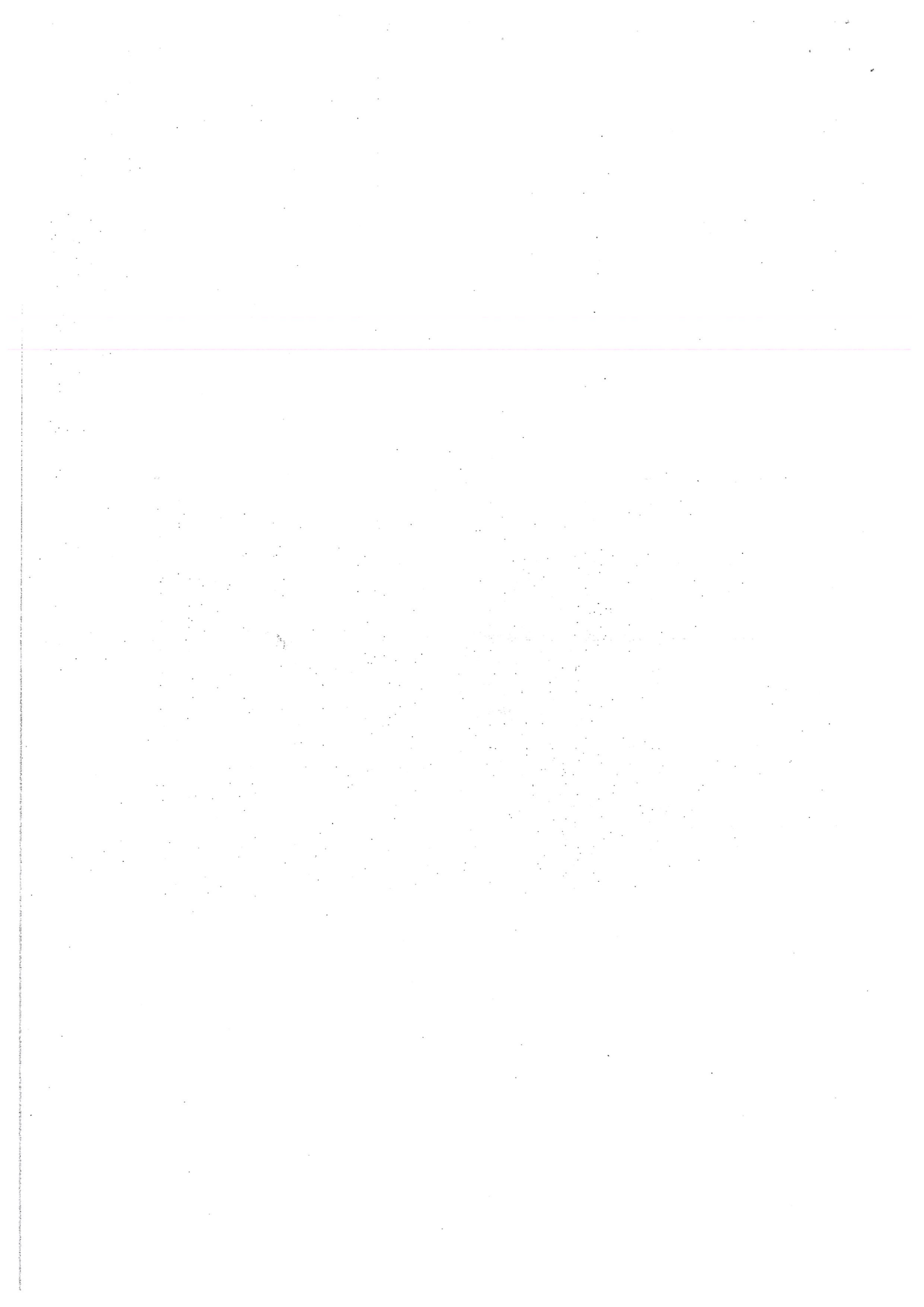
Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT NĂM 2023 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2023	Cơ quan báo cáo
II. Về kinh tế (05 chỉ tiêu)				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng so với năm 2022	%	7,5-8,5	Cục Thống kê tỉnh
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt	Triệu đồng/người	145-150	Cục Thống kê tỉnh
3	Kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2022	%	8,0-8,5	Sở Công Thương, Cục Thống kê tỉnh
4	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng	1.000 tỷ đồng	116	Cục Thống kê tỉnh
5	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	Đạt dự toán giao	Sở Tài chính
III. Về môi trường (13 chỉ tiêu)				
6	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%	100	Sở Tài nguyên và Môi trường
	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	100	
	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%	100	
	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%	100	
7	Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%	100	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Duy trì tỷ lệ che phủ cây xanh	%	52	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng	%	28,3	
IV. Về an sinh xã hội (04 chỉ tiêu)				
9	Phần đầu trong năm 2023 toàn tỉnh có thêm:			Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	<i>Xã</i>	<i>Ít nhất 8</i>	
	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	<i>Xã</i>	<i>Ít nhất 4</i>	
	<i>Huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao.</i>	<i>Huyện</i>	<i>1</i>	
10	Giảm tỷ lệ hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A	%	30	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
11	Duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới	%	2.0	
12	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt	%	88	Sở Y tế

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2023	Cơ quan báo cáo
	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc	%	100	
13	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm	%	7.7	Sở Y tế
14	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm	%	21	Sở Y tế
15	Số Bác sỹ/ vạn dân	Bác sỹ	9.4	Sở Y tế
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	30	
16	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	93	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế
17	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt	%	54	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
18	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt	%	49.5	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
19	Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà ở xã hội	Căn	472	Sở Xây dựng
20	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn			
	<i>Dân số đô thị đạt</i>	%	88	Sở Xây dựng
	<i>Dân số nông thôn đạt</i>	%	83.5	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
21	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt	%	86	Sở Thông tin và Truyền thông
22	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung đạt	%	7,5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đạt	%	11	
	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đạt	%	6,5	
IV Các chỉ tiêu văn hóa, giáo dục - đào tạo (12 chỉ tiêu)				
	Tỷ lệ áp (khu phố) đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 90	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2023	Cơ quan báo cáo
23	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	Trên 90	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 98	
	Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 75	
	Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã hoạt động hiệu quả	%	100	
	Tỷ lệ nhà văn hóa ấp (khu phố) hoạt động hiệu quả	%	90	
24	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	67.5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm	%	26.5	
V	Về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và cấp độ an toàn thông tin cơ quan nhà nước (07 chỉ tiêu)			
25	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Quân khu giao	Hoàn thành	Hoàn thành	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
26	Hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch	Hoàn thành	Hoàn thành	
27	Phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an Nhân dân năm 2023	Hoàn thành	Hoàn thành	Công an tỉnh
28	Tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý, xử lý	%	100	Công an tỉnh
	Tỷ lệ giải quyết đạt	%	90	
29	Tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt	%	Trên 75%	Công an tỉnh
	Trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt	%	trên 90% tổng số án khởi tố.	
30	Phần đầu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự được Tổng Cục Thi hành án dân sự giao trong năm 2023	Hoàn thành	Hoàn thành	Cục Thi hành án Dân sự tỉnh
31	Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan Nhà nước được phê duyệt theo cấp độ an toàn	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông



Phụ lục II

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA NGÀNH, LĨNH VỰC

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(6)
A KINH TẾ					
I TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRUNG ƯƠNG (GRDP)					
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) - Theo giá so sánh	%	7.50	8.50	Cục thống kê tỉnh
2	GRDP bình quân đầu người				Cục Thống kê
a)	Nội tệ	Triệu đồng	145	150	
b)	Ngoại tệ	USD	-	-	
II NGÂN SÁCH					
1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	61,685.00		Sở Tài chính
a)	Trong đó: Thu nội địa	"	40,235.00		
b)	Tỷ lệ thu nội địa/tổng thu NSNN trên địa bàn	%	65.23		
2	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	26,062.83		
a)	Trong đó: Chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương	Tỷ đồng	11,108.41		
b)	Tỷ lệ chi đầu tư phát triển của NSDP trong chi cân đối NSDP	%	42.62		
III ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG					
1	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	116,000		Cục Thống kê tỉnh
	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh so với GRDP	%	-		
2	Đầu tư trong nước và nước ngoài				Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp; Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp; Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công
a)	Thu hút vốn đầu tư trong nước, trong đó:	Tỷ đồng	13,000		
-	Thu hút mới	Tỷ đồng	10,000		
-	Điều chỉnh tăng vốn	Tỷ đồng	3,000		
b)	Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, trong đó:	Triệu USD	1,100		
-	Thu hút mới	Triệu USD	500		
-	Tăng vốn	Triệu USD	6,000		
3	Xây dựng				Sở xây dựng
	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	Nghìn m2	2.66		
IV DOANH NGHIỆP - HỢP TÁC XÃ - HỘ KINH DOANH					
1	Doanh nghiệp				Sở Kế hoạch và Đầu tư
a)	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp	4,600		
b)	Số vốn đăng ký thành lập mới	Tỷ đồng	30,000		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
c)	Lũy kế số doanh nghiệp hoạt động đến thời điểm báo cáo	Dự án	49,043		
2	Hợp tác xã				Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên Minh Hợp tác xã tỉnh
a)	Số hợp tác xã đăng ký thành lập mới	Hợp tác xã	34		
b)	Lũy kế số hợp tác xã còn hoạt động đến thời điểm báo cáo	HTX	468		
V	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN				
1.	Nông nghiệp				Cục Thống kê chủ trì báo cáo, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp
a)	Trồng trọt				
	Cây lương thực có hạt				
	Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	Nghìn ha	91.8		
	<i>Trong đó: Lúa</i>	"	53.3		
	Sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn	606.0		
	<i>Trong đó: Lúa</i>	"	311.5		
	Sản lượng một số cây lâu năm (chủ lực)	ĐVT			
	Cà phê	Tấn	14,500.0		
	Cao su	Tấn	40,307.0		
	Hồ tiêu	Tấn	26,740.0		
	Điêu	Tấn	41,000.0		
	Cam	Tấn	15,453.0		
	Sầu riêng	Tấn	71,951.0		
	Chuối	Tấn	230,400.0		
	Xoài	Tấn	114,000.0		
	Chôm chôm	Tấn	154,800.0		
	Bưởi	Tấn	80,202.0		
b)	Chăn nuôi				Cục Thống kê chủ trì báo cáo, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp
-	Tổng số gia súc, gia cầm, trong đó		26,091,910.0		
	<i>Trâu</i>	<i>Con</i>	<i>3,910.0</i>		
	<i>Bò</i>	<i>"</i>	<i>88,000.0</i>		
	<i>Lợn</i>	<i>Con</i>	<i>2,500,000.0</i>		
	<i>Gia cầm (gà)</i>	<i>Con</i>	<i>23,500,000.0</i>		
	<i>Lũy kế tổng đàn gia súc, gia cầm</i>	<i>Con</i>	<i>104,096,510.0</i>		
-	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tấn			
	Thịt trâu hơi	"	260		
	Thịt bò hơi	"	5,090		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
	Thịt lợn hơi	"	468,500		
	Thịt gia cầm hơi	"	203,860		
2	Lâm nghiệp				
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	3,632		
3	Thủy sản				
a)	Sản lượng thủy sản	Tấn	76,011		
b)	Nuôi trồng	"	69,804		
c)	Khai thác	"	6,207		
4	Giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản	Tỷ đồng	48,489.53	48,724.91	
a)	Nông nghiệp, trong đó	"	43,221.84	41,689.00	
-	<i>Trồng trọt</i>	"	16,113.96	15,798.00	
-	<i>Chăn nuôi</i>	"	27,107.88	25,891.00	
b)	Lâm nghiệp	"	1,829.88	1,794.00	
c)	Thủy sản	"	2,677.90	2,555.00	
VI	CÔNG NGHIỆP				Cục Thống kê tỉnh, Sở Công thương
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ theo gốc năm 2010	%	7.50	8.00	
a)	<i>Công nghiệp khai khoáng</i>	%	3.0	5.0	
b)	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	8.0	9.0	
c)	<i>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước</i>	%	5.0	6.0	
d)	<i>Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải</i>	%	6.0	7.0	
2	Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	Tỷ đồng	56.40	56.50	
3	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh				
	Đá xây dựng các loại	1000 m3	18,209.93	18,250.00	
	Cà phê các loại	1000 tấn	410.00	415.00	
	Mỳ chính	1000 tấn	310.00	330.00	
	Thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	1000 tấn	3,000.00	3,100.00	
	Nước Ngọt các loại	Triệu lít	570.00	600.00	
	Thuốc lá sợi	Tấn	20,500.00	20,600.00	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
	Sợi các loại	1000 tấn	1,350.00	1,400.00	Cục Thống kê tỉnh, Sở Công thương
	Vải các loại	Triệu m2	620.00	650.00	
	Quần áo các loại (trừ quần áo thể thao)	Triệu cái	310.00	320.00	
	Giày dép các loại	Triệu đôi	750.00	770.00	
	Ván ép, gỗ cưa, gỗ lạng	1000 m3	1,000.00	1,100.00	
	Bao bì các loại	1000 tấn	120.00	150.00	
	Thuốc trừ sâu	Tấn	8,800.00	9,000.00	
	Sơn các loại	1000 tấn	140.00	150.00	
	Săm, lốp các loại	1000 cái	96,600.00	96,800.00	
	Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	1000 m3	2,200.00	2,300.00	
	Thép dạng thô và bán thành phẩm	1000 tấn	570.00	600.00	
	sản phẩm kim loại	1000 tấn	500.00	520.00	
	Mạch điện, tủ điện, sản phẩm điện tử khác	Triệu chiếc	2,609.60	2,650.00	
	Máy giặt	1000 cái	340.00	350.00	
	Xe mô tô, xe máy và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ	1000 chiếc	55.00	60.00	
	Giường, tủ, bàn ghế	1000 chiếc	14,900.00	15,000.00	
	Điện sản xuất	Triệu Kwh	7,700.00	7,900.00	
	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	16,000.00	16,200.00	
	Nước uống được	1000 m3	172,500.00	173,000.00	
VII	THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH				
1	Thương mại				Cục Thống kê tỉnh, Sở Công thương
a)	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	%	9.0	10.0	
b)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	%	8.0	8.5	
c)	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	%	13.0	14.5	
2	Du lịch				Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
a)	Số lượt khách du lịch nội địa	Nghìn lượt khách	2,620		
a)	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tỷ đồng	45		
VIII	CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (PCI) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	%			Cục thống kê tỉnh
B	XÃ HỘI				
I	DÂN SỐ - LAO ĐỘNG				
1	Dân số				
a)	Dân số trung bình	Nghìn người	3,238.66		
	<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ dân số thành thị	%			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
b)	Mật độ dân số	Người/km ²	522.33		Cục Thống kê, Sở Y tế
c)	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	Dưới 1%		
d)	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	107.00		
đ)	Tổng tỷ suất sinh	Số con/phụ nữ	1.87		
2	Lao động				Cục Thống kê, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
-	Dịch vụ	"			
a)	Số người lao động có việc làm tăng thêm	Người	80,000.0		Cục Thống kê, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
b)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	67.50		
c)	Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm	"	26.50		
d)	Tỷ lệ thất nghiệp, trong đó	%			
-	Thành thị	"	Dưới 2%		
đ)	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	54.0		Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai
e)	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	49.5		
II	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO				
1	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	Học sinh	20,000		Cục Thống kê, Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo	Học sinh	100,000		
3	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	Học sinh	585,000		
a)	Tiểu học	"	305,000		
b)	Trung học cơ sở	"	195,000		
c)	Trung học phổ thông	"	85,000		
4	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%			
a)	Mầm non	"	79.0		
b)	Tiểu học	"	67.0		
c)	Trung học cơ sở	"	77.0		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
d)	Trung học phổ thông	"	68.0		Cục Thống kê, Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%			
a)	Mầm non	"	90.0		
b)	Tiểu học	"	86.0		
c)	Trung học cơ sở	"	95.0		
d)	Trung học phổ thông	"	99.0		
6	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Học sinh			
a)	Tiểu học	"	37.0		
b)	Trung học cơ sở	"	41.0		
c)	Trung học phổ thông	"	41.0		
7	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Học sinh			
a)	Tiểu học	"	30.0		
b)	Trung học cơ sở	"	25.0		
c)	Trung học phổ thông	"	22.0		
III	Y TẾ				Cục Thống kê, Sở Y tế
1	Số dược sĩ đại học trên 10.000 dân	Dược sĩ	2.4		
2	Số điều dưỡng viên trên 10.000 dân	Điều dưỡng	16		
1	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	9.4		
2	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	30		
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%			
a)	Cân nặng theo tuổi	"	7.7		
b)	Chiều cao theo tuổi	"	21		
4	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100		
5	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	93		
6	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	92		
6	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt	%	88		
7	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc	%	100		
IV	MỨC SỐNG DÂN CU				
1	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%			Sở Lao động, Thương binh và Xã

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
	Mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm phần trăm	30		Thương binh và Xã hội
2	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Nghìn đồng			Cục Thống kê
3	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, trong đó				
a)	Dân cư tại đô thị sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn	%	88		Sở xây dựng
b)	Dân cư tại nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn QC02	%	83.5		Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
4	Nông thôn mới				
a)	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	8		Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Tỷ lệ xã chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	86.7		
b)	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	6		
	Tỷ lệ xã chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	20.8		
c)	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Huyện	2		
	Tỷ lệ huyện đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao	%	10		
5	Văn hoá				
a)	Tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa	%	Trên 90%		Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch
b)	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	Trên 90%		
c)	Tỷ lệ cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 98%		
d)	Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 75%		
đ)	Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã hoạt động hiệu quả	%	100%		
e)	Tỷ lệ nhà văn hóa ấp (khu phố) hoạt động hiệu quả	%	90%		
6	Xã hội				
a)	Tỷ lệ cai nghiện ma túy, trong đó:	%	25.0		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
-	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung	%	7.5		
-	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng	"	11.0		
-	Tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy	"	6.5		
b)	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt	%	86		Sở Thông tin và Truyền thông
c)	Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà ở xã hội	Căn	475		Sở Xây dựng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
C	MÔI TRƯỜNG- ĐÔ THỊ				
1	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%	100		Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	100		
3	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%	100		
4	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt,	%	100		
5	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%	100		
6	Tỷ lệ che phủ cây xanh	%	52		Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
7	Tỷ lệ che phủ rừng	%	28.3		
8	Tỷ lệ đô thị hoá	%	55		Sở xây dựng
D	CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Điểm	42		Sở Nội vụ
2	Chỉ số cải cách hành chính (Par index)	%	87		
3	Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	%	90		
E	AN NINH TRẬT TỰ				
1	Giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội (trừ tội phạm liên quan đến cờ bạc và mại dâm)	%	Giảm ít nhất 05%		Công an tỉnh
2	Số vụ, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông				
a)	Số vụ	Số vụ	Không để gia tăng tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương) so với năm 2022		
b)	Số người chết	Số người			
c)	Số người bị thương	Số người			
3	Tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố bảo đảm tỷ lệ, trong đó	%	100		
	Giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố bảo đảm tỷ lệ	%	90		Công an tỉnh
4	Điều tra, khám phá án về trật tự xã hội bảo đảm đạt tỷ lệ	%	Trên 75		Công an tỉnh
5	ĐĐiều tra, khám phá án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng bảo đảm tỷ lệ đạt	%	Trên 90		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2023		Đơn vị thực hiện
			PA1	PA2	
6	Công tác phòng, chống, cháy nổ	ĐVT	Giảm số vụ, số người chết và thiệt hại so với năm 2022		Công an tỉnh
7	Chỉ tiêu thi hành án dân sự xong/tổng số án có điều kiện thi hành trong đó:	%			Cục thi hành án tỉnh
a)	Chỉ tiêu thi hành án dân sự về việc	%	85.2		
b)	Chỉ tiêu thi hành án dân sự về tiền	%	45.5		

Phụ lục III
CÁC NGHỊ QUYẾT DO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CHỦ TRÌ THAM MƯU UBND TỈNH
TRÌNH HĐND TỈNH BAN HÀNH TRONG NĂM 2023

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan phối hợp	Thời gian dự kiến hoàn thành	Ghi chú
1	Nghị quyết về kéo dài thời gian bố trí vốn; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và vốn ngân sách cấp huyện, xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Quý I/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý I/ 2023)	
2	Nghị quyết về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Quý I/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý I/ 2023)	

3	Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2027	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Quý I/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý I/2023)	
4	Nghị quyết giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Quý I/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý I/2023)	
5	Nghị quyết về lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quyết về lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Quý I/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý I/2023)	

<p>6</p> <p>Nghị quyết về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024, danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20ha tỉnh Đồng Nai đến năm 2023</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Quý I/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại Kỳ họp chuyên đề quý I/ 2023)</p>	
<p>7</p> <p>Nghị quyết bổ sung giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	
<p>8</p> <p>Nghị quyết về thông qua quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	

9	Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	
10	Nghị quyết về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	
11	Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các	

12	Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 1)	Sở Tài chính	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	
13	Nghị quyết về ban hành nội dung và mức chi thực hiện phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh	Sở Công thương	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	
14	Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025	Ban Dân tộc tỉnh	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	

15	<p>Nghị quyết phân bổ, giao vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025</p>	<p>Ban Dân tộc tỉnh</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	
16	<p>Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	
17	<p>Nghị quyết quy định chính sách trợ cấp đối với viên chức và người lao động tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai</p>	<p>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	

18	Nghị quyết về mức chi, chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	
19	Nghị quyết về việc đặt tên đường và công trình công cộng ở thành phố Long Khánh (giai đoạn 2); thị trấn Dầu Giây (huyện Thống Nhất); thị trấn Long Giao (huyện Cẩm Mỹ)	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	
20	Nghị quyết về Ban hành Quy định một số nội dung về lộ trình và chính sách hỗ trợ xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị, thu gom, xử lý nước thải tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)	

21	<p>Nghị quyết thông qua dự án di dời kho đạn của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đến vị trí mới</p>	<p>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	
22	<p>Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng, trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Công an tỉnh</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	
23	<p>Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022 – 2025 kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh</p>	<p>Sở Tài chính</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	

<p>24</p> <p>Nghị quyết về quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất</p>	<p>Sở Tài chính</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	
<p>25</p> <p>Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 6/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2023)</p>	
<p>26</p> <p>Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyên giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p>		<p>Quý III/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý III/2023)</p>	

27	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ		Quý III/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý III/2023)	
28	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		Quý III/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp chuyên đề quý III/2023)	
29	Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2024 của tỉnh Đồng Nai	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)	

30	Nghị quyết về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023, xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)	
31	Nghị quyết về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)	
32	Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)	

33	Nghị quyết về kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã	Sở Tài chính	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)	
34	Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 (đợt 2)	Sở Tài chính	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)	
35	Nghị quyết về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 và xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)	

36	Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022	Số Tài chính	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)
37	Nghị quyết về xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024	Số Tài chính	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)
38	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh	Số Giáo dục và Đào tạo	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)

39	<p>Nghị quyết về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024, danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20ha tỉnh Đồng Nai đến năm 2024</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)</p>	
40	<p>Nghị quyết về lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Đồng Nai</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)</p>	
41	<p>Nghị quyết thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)</p>	

<p>42</p> <p>Nghị quyết về việc quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện và phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024</p>	<p>Sở Nội vụ</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)</p>	
<p>43</p> <p>Nghị quyết về chính sách hỗ trợ hòa táng</p>	<p>Sở Y tế</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)</p>	
<p>44</p> <p>Nghị quyết ban hành quy định mức chi hỗ trợ các Hội thành viên đang công tác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</p>	<p>Sở Tài chính</p>	<p>Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan</p>	<p>Tháng 11/2023 (Trước thời gian các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra các Tờ trình, dự thảo - Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)</p>	

